TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST.
Ngày: 19.9.2018.
V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tính mạng bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Pọm và bà Nguyễn Thị Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Giàng A Tằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2018/TLST-DSTC ngày 03 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DSTC ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Anh Cà Văn B; sinh năm: 1968.
Địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* **Bị đơn**:

1. Anh Cà Văn T; sinh năm: 1983.
Nơi ĐKHKTT: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.
Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Phân trại số 1, Trại giam N - Bộ công an; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Anh Cà Văn T1; sinh năm: 1970.
Nơi ĐKHKTT: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên;
Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Phân trại số 1, Trại giam N - Bộ công an; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi liên quan**:

1. Ông Cà Văn C; sinh năm 1929 (Bố đẻ của chị T2); địa chỉ tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Bà Cà Thị E; sinh năm 1930 (Mẹ đẻ của chị T2); địa chỉ tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

3. Cháu Cà Văn M; sinh năm 1993 (Con chị T2); địa chỉ tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

4. Cháu Cà Thị N; sinh năm 1997 (Con chị T2); địa chỉ tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

5. Cháu Cà Văn Đ; sinh năm 2000 (Con chị T2); địa chỉ tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

6. Cháu Cà Thị T3; sinh năm 2004 (Con chị T2); địa chỉ tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đại diện hợp pháp cho cháu T có anh Cà Văn B; sinh năm 1968; địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; là bố đẻ của cháu T. Có mặt.

* Đại diện theo ủy quyền cho ông Cà Văn C, bà Cà Thị E, cháu Cà Văn M; cháu Cà Thị N; cháu Cà Văn Đ có: Anh Cà Văn B; sinh năm 1968; địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* **Người phiên dịch cho bà Cà Thị E có**: Ông Cà Văn Đ; sinh năm 1959; cư trú tại: Tổ 13, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Cà Văn B trình bày:

Ngày 27/3/2013 anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 đã gây thiệt hại về tính mạng của chị Cà Thị T3 là vợ của anh B và cướp đi 02 chiếc khuyên tai vàng (Vàng 999), 01 chiếc trâm cài tóc và 80.000đ. Tại bản án số: 27/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và bản án số: 139/2018/HSPT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử và tuyên xử: Cà Văn T và Cà Văn T1 phạm tội giết người và tội cướp tài sản; Cà Văn T bị xử phạt tù chung thân, Cà Văn T2 bị xử phạt 22 năm tù. Khi giải quyết về mặt hình sự, lúc đó gia đình anh B chưa yêu cầu giải quyết về bồi thường dân sự trong vụ án hình sự. Nhưng đến nay thấy hành vi của Tvà T2 đã gây thiệt hại cho gia đình anh B nên anh B và những người có quyền lợi liên quan đã yêu cầu anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 bồi thường các như sau:

1. Yêu cầu về tiền mai táng phí:

- 01 con bò trị giá 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), dùng để làm cơm.
- 04 con lợn = 1.200kg × 50.000đ/kg = 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), dùng đểlàm cơm
- 60 lít rượu × 15.000đ/lít = 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*), dùng trong bữa cơm.
- 120kg gạo = 1.440.000đ (*Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), dùng làm cơm.
- Chè đổ vào quan tài để chôn cất cho người chết là 4kg × 1.00.000đ = 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*).
- Chè uống phục vụ khách, thuốc lá tổng số hết: 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).
- Hương, hoa phục vụ tang lễ hết: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).
- Tiền mua quan tài: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).
- 03 cuộn vải trắng của dân tộc thái: 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

=> Tổng số tiền mai táng phí là: 43.340.000đ (*Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

2. Bồi thường về tiền cấp dưỡng nuôi con chưa đủ 18 tuổi:

- Cháu Cà Thị N; sinh ngày 08/12/1997: Tính từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2015 khi cháu N đủ 18 tuổi: 32 tháng × 400.000đ/tháng = 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Cháu Cà Văn Đ; sinh ngày 09/4/2000: Tính từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2018 khi cháu Đại đủ 18 tuổi: 60 tháng × 400.000đ/tháng = 24.000.000đ (Hai mươi bốn nghìn đồng).

- Cháu Cà Thị T3; sinh ngày 31/11/2004: Yêu cầu mức cấp dưỡng 400.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2013 cho đến khi cháu Thiết đủ 18 tuổi.

Đối với cháu N và cháu Đ đề nghị bồi thường một lần. Đối với cháu T3 đề nghị cấp dưỡng hằng tháng.

3. Bồi thường tổn thất tinh thần yêu cầu như sau:

- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Văn B là chồng: 10.000.000đ. Tại phiên tòa anh B thay đổi về mức bồi thường là 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Văn M là con: 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Thị N là con: 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Văn Đ là con: 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Thị T3 là con: 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Văn C là bố đẻ: 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần cho Cà Thị E là mẹ đẻ: 5.000.000đ.

=> Tổng số tiền bồi thường tổn thất tinh thần là: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ. Tại biên bản tự khai anh T trình bày: Do anh Cà Văn T cho rằng mình không phạm tội, nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu.

Tại bản tự khai anh Cà Văn T1 trình bày: Do anh Cà Văn T1 cho rằng mình không phạm tội, nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, có mặt bà Cà Thị E và chị Cà Thị N; bà É và chị N đều giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu và đề nghị: Về tố tụng: Không vi phạm tố tụng, thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp ăn cứ vào các điều 584, 585, 586, 587, 588, 591, 593 Bộ luật dân sự năm 2015, nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là:

- Tiền chi phí mai táng: Chấp nhận yêu cầu của anh B về các khoản: tiền quan tài 5.000.000đ, tiền 03 cuộn vải trắng 3.600.000đ, tiền chè đổ vào quan tài 400.000đ, tiền hương hoa 2.000.000đ. Tổng chi phí mai táng hợp lý được chấp nhận là 11.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường về các khoản chi phí ăn uống như: 01 con bò 17.000.000đ, 04 con lợn 6.000.000đ, 120 kg gạo 1.440.000đ,

60 lít rượu 900.000đ , chè khách uống và thuốc lá 7.000.000đ do đây không phải là chi phí hợp lý cho việc mai táng.

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào thu nhập và khả năng thực tế của người phải bồi thường, nhu cầu thiết yếu của người được bồi thường, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh B, gồm:

+ Cấp dưỡng cháu Cà Thị N - sinh ngày: 18/12/1997: thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 12 năm 2015 là 32 tháng x 400.000đ/ tháng = 12.800.000đ

+ Cấp dưỡng cháu Cà Văn Đ - sinh ngày: 09/4/2000: thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 4 năm 2018 là 60 tháng x 400.000đ/ tháng = 24.000.000đ

+ Cấp dưỡng cháu Cà Thị T - sinh ngày: 30/11/2004: thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2013 đến khi cháu T đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: Căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, số lượng người thân thích cần được bồi thường (07 người), chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Cà Văn T, Cà Văn T1 phải bồi thường tổn thất tinh thần cho anh B, ông C, bà E, cháu M, N, Đại, T3 mỗi người 5.000.000đ, tổng số tiền tổn thất tinh thần anh T, T1 phải bồi thường là 35.000.000 đồng.

Căn cứ vào yếu tố lỗi, anh Cà Văn T và Cà Văn T1 buộc phải bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm cho gia đình anh Cà Văn B theo kỷ phần 70:30.

Về án phí: Áp dụng các điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d, đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,4 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho anh Cà Văn T, Cà Văn T1 đối với phần yêu cầu của anh B được HĐXX chấp nhận, miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Cà Văn B đối với phần yêu cầu của anh không được HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tính mạng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt có lý do; nên cần áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo bản án số: 27/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và bản án số: 139/2018/HSPT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; tuyên án đối với Cà Văn T và Cà Văn T1. Bởi vậy, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; nên căn cứ vào Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy: Căn cứ vào bản án số: 27/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và bản án số: 139/2018/HSPT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; thì thấy rằng, Cà Văn T và Cà Văn T1 là người đã có hành vi phạm tội giết người và cướp tài sản, nạn nhân là chị Cà Thị T2; hành vi của T và T1 đã gây thiệt hại đối với chị T2 và thiệt hại cho những người thân của chị T2. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ vào Điều 584, 585, 586, 587, 588, 591, 593 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, để xem xét yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

[3.1] Đối với chi phí mai táng phí: Tại tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 quy định: "*2.1. Chi phí hợp lý cho việc mai táng phí bao gồm: Các khoản mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi phí khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ…"*; bởi vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường như sau: Chè đổ vào quan tài để chôn cất cho người chết là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*); Hương, hoa phục vụ tang lễ hết: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*); Tiền mua quan tài: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); 03 cuộn vải trắng của dân tộc thái dùng để khâm liệm: 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền mai táng phí là: 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

Đối với yêu cầu bồi thường: 01 con bò trị giá 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*); 04 con lợn trị giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); 60 lít rượu trị giá 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*); 120kg gạo trị giá 1.440.000đ (*Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*); chè thuốc lá phục vụ khách trị giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) đây là những khoản chi phí tổ chức ăn uống nên không được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền cấp dưỡng:

Do hành vi của anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 gây thiệt hại về tính mạng của chị Cà Thị T2 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu N, Đ, T3 nên anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng đối với các con chưa đủ 18 tuổi của chị T2. Quá trình giải quyết vụ án Cà Văn B khai thu nhập trung bình hằng tháng của gia đình anh khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ/ tháng; nên tính trung bình mỗi người trong gia đình giao động từ 800.000đ đến 1.000.000đ; nên xét thấy với mức yêu cầu cấp dưỡng cho một cháu mỗi tháng là 400.000đ; thời gian được tính từ tháng 4/2013, buộc bồi thường một lần đối với cháu N và cháu Đ; còn cháu T3 cấp dưỡng hằng tháng đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi, kể từ ngày 01/01/2019; là phù hợp với nhu cầu thiết yếu tại địa phương và chi phí sinh hoạt của gia đình anh Cà Văn B và chị Cà Thị T3. Bởi vậy cần căn cứ Tại tiết a tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006, chấp nhận yêu cầu của anh Cà Văn B.

[4.2] Đối với yêu cầu về bồi thường tổn thất tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thấy: Xét hàng thừa kế thứ nhất của chị Cà Thị T2 thì anh Cà Văn T và anh Cà Văn T2 sẽ phải bồi thường cho những người sau: Anh Cà Văn B, ông Cà Văn C, bà Cà ThịE, cháu Cà Thị N, cháu Cà Văn Đ, cháu Cà Thị T3, cháu Cà Văn M. Căn cứ vào Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần cụ thể: 7 người × 5.000.000đ/người = 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp bởi mức lương cơ sở tại thời điểm giải quyết vụ án là 1.300.000đ/tháng thì yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan xấp xỉ tương ứng với 27 tháng lương cơ sở, nên chưa vượt quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Bởi vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan.

[5] Trong vụ án này, tại Bản án số: 139/2018/HSPT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án số: 27/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã nhận định, trong vụ án gây thiệt hại cho chị Cà Thị T2 thì Cà Văn T là người chủ mưu, thực hiện hành vi giết người và cướp tài sản; còn Cà Văn T1 là ngươi có vai trò giúp sức trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa anh Cà Văn B với tư cách là nguyên đơn, người được ủy quyền và là người đại diện hợp pháp cũng yêu cầu bồi thường theo kỷ phần lỗi của Cà Văn T là 70%, còn Cà Văn T1 30%. Với vai trò của Cà Văn T và Cà Văn T1 trong khi thực hiện hành vi phạm tội và đề nghị của anh Cà Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp cần được chấp nhận.

[6] Cần áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm d, đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 4 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho anh Cà Văn T, anh Cà Văn T1 đối với phần yêu cầu của anh B được HĐXX chấp nhận. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Cà Văn B đối với phần yêu cầu của anh không được HĐXX chấp nhận, do anh B là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

[7] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát đưa ra đề nghị Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 584, 585, 586, 587, 588, 591, 593 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d, đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 4 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Cà Văn B.

2. Buộc các bị đơn phải bồi thường thiệt hại chi phí hợp lý cho việc mai táng phí và bồi thường tổn thất tinh thần là: 46.000.000đ (*Bốn sáu triệu đồng*). Buộc anh

Cà Văn T phải bồi thường mai táng phí và bồi thường tổn thất tinh thần theo kỷ phần cụ thể là: 32.200.000đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*. Buộc anh Cà Văn T1 phải bồi thường mai táng phí và bồi thường tổn thất tinh thần theo kỷ phần cụ thể là: 13.800.000đ (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*).

Buộc anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 bồi thường khoản tiền cấp dưỡng cho cháu Cà Thị N; sinh ngày 08/12/1997: Tính từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2015 khi cháu N đủ 18 tuổi: 32 tháng × 400.000đ/tháng = 12.800.000đ. Trong đó anh Cà Văn T phải bồi thường theo kỷ phần là 8.960.000đ (*Tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*); anh Cà Văn T1 bồi thường theo kỷ phần là 3.840.000đ (*Ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Buộc anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 bồi thường khoản tiền cấp dưỡng cho Cháu Cà Văn Đ; sinh ngày 09/4/2000: Tính từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2018 khi cháu Đ đủ 18 tuổi: 60 tháng × 400.000đ/tháng = 24.000.000đ. Trong đó anh Cà Văn T phải bồi thường theo kỷ phần là 16.800.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*); anh Cà Văn T1 bồi thường theo kỷ phần là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Buộc Anh Cà Văn T và anh Cà Văn T1 định kỳ hằng tháng phải bồi thường tiền cấp dưỡng đối với cháu Cà Thị T3, sinh ngày 30/11/2004 là 400.000đ, tính từ tháng 4/2013 cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Trong đó anh Cà Văn T phải cấp dưỡng hằng tháng theo kỷ phần là 280.000đ (*Hai trăm tám mươi nghìn đồng*); anh Cà Văn T1 phải cấp dưỡng hằng tháng theo kỷ phần là 120.000đ (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí mai táng phí cụ thể như sau: 01 con bò trị giá 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*); 04 con lợn trị giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); 60 lít rượu trị giá 900.000đ; 120kg gạo trị giá 1.440.000đ (*Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*); chè thuốc tiếp khách là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án điến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Cà Văn T, anh Cà Văn T1, anh Cà Văn B.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/9/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :
- PKTNV và THA;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- THADS huyện Tuần Giáo;
- Đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**